

BATIK - TỪ MỘT NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG ĐẾN BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA QUỐC GIA VÀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ ĐẠI DIỆN CỦA NHÂN LOẠI

VÂN NGỌC

Trong phiên họp của UNESCO diễn ra từ 28/9 đến 2/10 năm 2009 tại Abu Dhabi (Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất), trang phục Batik của Indônêsiã được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Và, để đón nhận sự kiện này, cũng vào ngày 2/10, tất cả người dân Indônêsiã đã nhất loạt cùng mặc y phục Batik. Rồi thì, các festival Batik đã diễn ra trên các đường phố trong tỉnh Java. Sự vinh danh này của UNESCO là sự ghi nhận công sức và trí tuệ của những người thợ dệt Java tài ba đã không ngừng sáng tạo, gìn giữ và phát triển nghệ thuật Batik của mình. Chính nhờ sự những nỗ lực phi thường đó, mà những sản phẩm thủ công truyền thống của một vài ngôi làng nhỏ trên đảo Java đã dần dần trở thành biểu tượng văn hóa của cả quốc gia và rồi được công nhận là di sản thế giới. Vậy Batik là gì? Kỹ thuật và nghệ thuật Batik được hình thành và phát triển cũng như được cả đất nước Indônêsiã và thế giới ghi nhận như một di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại như thế nào?

Theo các nhà nghiên cứu, xét về mặt từ nguyên học, thì cái tên Batik có thể là một từ gốc của tiếng Java: amba ("viết") và titik (có nghĩa là "chấm" hay "điểm"; hoặc có thể là một từ có gốc từ ngôn ngữ Tiên Nam đảo (Proto-Austronesian): becik ("xăm" bằng kim châm). Trong suốt thời kỳ là thuộc địa của Hà Lan, tại Indônêsiã, người ta gọi nghệ thuật này bằng một số tên gọi gần giống nhau: mbatek, batek, mbatik và batik. Và, chỉ đến năm 1880, tại châu Âu, lần đầu tiên cái tên Batik mới được thông báo ở nước Anh trong "Encyclopaedia Britannica" và chính thức được đọc là Batik.

Ngay trong các ngữ nghĩa là "viết", "xăm" hay "chấm" của tên gọi, đã ít nhiều cho thấy những khía

chạm kỹ thuật của Batik: nhuộm vải với chất màu bằng sáp được vẽ lên tấm vải trước khi được đem nhuộm để tạo ra các hoa văn, họa tiết, hình ảnh... nào đấy. Theo các nhà nghiên cứu, kỹ thuật nhuộm vải sử dụng sáp này đã khá phổ biến tại nhiều nơi trên thế giới từ thời xa xưa. Qua những mẫu quần áo và vải vóc mà khảo cổ học đã phát hiện, có thể thấy, ngay từ thế kỷ V và thứ IV trước công nguyên, người Ấn Độ và người Ai Cập đã biết đến kỹ thuật nhuộm vải dùng sáp. Còn người Trung Quốc thì từ thời nhà Tùy (581 - 618) và người Nhật Bản thì từ thời Nara (710 - 794) đã sử dụng kỹ thuật nhuộm vải này. Vậy, ở Indônêsiã, kỹ thuật này xuất hiện từ khi nào? Có những nhà nghiên cứu, như G.P.Rouffaer, cho rằng, Batik được đưa vào Java từ Ấn Độ hoặc Sri Lanka (Xây Lan) vào thế kỷ VI - VII. Trong khi đó, nhà khảo cổ học Hà Lan A.Brandes và nhà khảo cổ học người Indônêsiã F.A.Sutjipto thì tin rằng, Batik là truyền thống bản địa của Indonnesia, vì những vùng như Toraja, Flores, Halmahera và Papua, dù không chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, vẫn giữ được truyền thống làm Batik cổ.

Không chỉ khẳng định kỹ thuật Batik của Indônêsiã là được du nhập từ bên ngoài vào, G.P.Rouffaer còn cho rằng, các hoa văn mẫu kawung đã được biết đến vào thế kỷ XII ở Kendiri, Đông Java. Ông cho rằng, các hoa văn kawung thanh tú này chỉ được làm bằng công cụ canting (một cái đục nhỏ bằng đồng để chứa sáp nóng có vòi thon và dài trông giống một cây bút có ô chứa mực trên thân bút). Theo Rouffaer, các chi tiết hoa văn được khắc trên y phục pho tượng Prajnaparamita (Thế Chí Bồ tát) của miền Đông Java thế kỷ XIII là giống với các hoa văn Batik Java truyền

thống hiện nay. Từ những cơ sở trên, ông cho rằng canting, công cụ dùng để vẽ sáp lên vải của kỹ thuật Batik Inđônêsi truyền thống, xuất hiện ở Java vào thế kỷ XIII hoặc sớm hơn.

Như vậy là, ít nhất là từ thế kỷ XIII, Batik không chỉ đã là một loại đồ dệt tinh tế phổ biến ở đảo Java, mà còn đã được sử dụng để làm các loại y phục khác nhau trong triều đình và trong dân chúng. Các tài liệu lịch sử cho biết, vào thế kỷ XVII, nhà nước Hồi giáo (sultanate) Mataram trên đảo Java đã ban những chức năng nghi thức quan trọng cho các y phục Batik. Theo các ghi chép của sử sách, vua (sultan) Agung của Mataram đã mặc y phục bằng vải bông trắng có các hình trang trí màu xanh chàm, còn các vũ nữ cung đình của nhà vua thì mặc váy vải Batik (kain kembangan) nhuộm màu đỏ. Sau đấy, kể từ khi trở thành thuộc địa của Hà Lan vào đầu thế kỷ XIX, Batik của hòn đảo Java bắt đầu được quảng bá và được nhiều nơi trên thế giới biết đến.

Ở châu Âu, kỹ thuật Batik lần đầu tiên được mô tả trong cuốn sách "Lịch sử Java" (được in ở Luân Đôn vào năm 1817) của ngài Thomas Stamford Raffles, nguyên Thống sứ các đảo của Anh quốc. Năm 1873, nhà buôn Hà Lan Van Rijkjevorsel đã đưa các đồ vật mà ông sưu tập được khi đến Inđônêsi cho Bảo tàng Dân tộc học ở Rotterdam. Hiện nay, Bảo tàng Trope (Tropemuseum) là nơi lưu giữ sưu tập lớn nhất về Batik Inđônêsi ở Hà Lan. Không chỉ giới thiệu và quảng bá, người Hà Lan còn làm nhiều việc để thúc đẩy sự phát triển Batik ở nước Inđônêsi thuộc địa, như đã đưa vào nghề thủ công này những kỹ thuật in vải mới của châu Âu. Nhờ vậy mà, bắt đầu từ đầu thế kỷ XIX, nghệ thuật Batik mới được phát triển tinh tế hơn và đạt tới thời kỳ hoàng kim. Cuộc trưng bày tại triển lãm Universelle ở Paris vào năm đầu của thế kỷ XX (năm 1900) đã làm cho Batik trở nên nổi tiếng và gây ấn tượng cho công chúng và các nghệ sĩ châu Âu. Vào những năm 1920, những người di cư Inđônêsi đến Malaysia đã đem kỹ thuật Batik đến đất nước này. Vào những năm 1970, Batik được đưa đến giới thiệu cho các thổ dân Úc. Thật bất ngờ, những thổ dân Úc đã nhanh chóng chấp nhận và phát triển kỹ thuật Batik thành một nghề thủ công của mình. Và, giờ đây, nghề làm Batik và việc mặc y phục Batik đã trở thành phổ biến và được ưa chuộng không chỉ ở Inđônêsi, mà còn ở cả Malaysia và Brunei.

Dù rằng quá trình làm ra sản phẩm vải theo kiểu Batik có thể đã xuất hiện và đang còn tồn tại ở một

số nơi trên thế giới, nhưng, theo đánh giá của các chuyên gia, Batik Inđônêsi vẫn là duy nhất và không một loại Batik ở bất kỳ một nơi nào khác có thể sánh nổi. Về đẹp và chất lượng của Batik Inđônêsi là tặng vật của sự nhẫn nại và sáng tạo của những người phụ nữ đảo Java, đặc biệt là ở các trung tâm tại các thành phố Yogyakarta, Solo, Cirebon, Pekalongan và Indramayu. Danh tiếng của Batik cũng thuộc về những người đàn ông Java tham gia vào một số công đoạn sản xuất như chuẩn bị vải, nhuộm vải, phơi và cất giữ sản phẩm...

Batik, như được đánh giá, là đồ dệt tinh túy nhất của đất nước Inđônêsi, vì nghệ thuật làm ra sản phẩm này giống như là "vẽ" hay "họa" lên trên mặt vải. Thay cho dùng bút chì hay bút lông, nghệ nhân Batik dùng "chiếc bút" bằng đồng có tên là canting và dùng sáp lỏng thay cho màu vẽ. Cũng như họa sĩ vẽ một bức tranh, để có một tấm vải Batik, người ta (người phụ nữ và những người đàn ông phụ giúp) phải thực hiện liên tục nhiều công đoạn sáng tạo và lao động phức tạp khác nhau. Đầu tiên, các hình hoa văn phải được người nghệ nhân dùng bút chì vẽ chi tiết lên mặt vải. Sau đấy, các nữ nghệ nhân dùng chiếc bút đồng canting vẽ và phủ sáp nóng lên những đường nét hay những mảng chưa cần được nhuộm màu của tấm vải. Sau đấy, tấm vải được đưa vào chiếc thùng to để nhuộm. Với sự tác động của nước nóng, sáp sẽ tan ra và giữ cho phần vải bên dưới vẫn còn trắng và không bị nhuộm màu như các phần vải không được phủ sáp. Sau lần nhuộm thứ nhất này, những đường nét hoa văn và các mảng trang trí của tấm vải cần được giữ màu sẽ lại được người nghệ nhân dùng bút canting vẽ và phủ sáp lên trước khi đưa đi nhuộm màu lần thứ hai. Cứ thế, quá trình vẽ - phủ sáp và nhuộm màu được tiếp tục thêm vài lần nữa cho đến khi các hoa văn hiện rõ trên tấm vải mới thôi.

Từ giữa thế kỷ XIX, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XX, việc xuất hiện tấm in bằng đồng và bằng gỗ (cap) đã tạo ra cuộc cách mạng trong sản xuất Batik của Inđônêsi. Cap là một khối bằng đồng hoặc có thể bằng gỗ được tạo bởi các sọc rộng chừng 1,5cm gắn với nhau thành một hoa văn. Do vậy, tùy tính chất của từng hoa văn, mà hình dáng và kích thước của cap có khác nhau (đôi khi, có những cap lớn có đường kính dài tới 24cm). Để tạo hoa văn, người thợ chỉ việc nhúng cap vào sáp nóng rồi in thẳng hoa văn sáp này lên tấm vải chứ không phải mất nhiều thời gian và công sức vẽ hay họa như dùng

canting. Dù rằng việc sử dụng kỹ thuật in cap đã khiến cho công việc làm Batik trở nên đơn giản hơn và năng suất hơn gấp nhiều lần so với kỹ thuật canting truyền thống. Thế nhưng, cho đến nay, bên cạnh việc sản xuất hàng loạt những sản phẩm Batik cap, những người thợ Java vẫn duy trì và phát triển dòng Batik canting hay thường được gọi là Batik tulis. Và, cho đến nay, những người Inđônêsiã cũng như khách du lịch đến Inđônêsiã vẫn ước ao có được những tấm y phục được may bằng vải Batik tulis, dù rằng một tấm vải Batik tulis có thể có giá đắt gấp cả trăm, thậm chí cả ngàn lần so với tấm vải Batik cap cùng khổ.

Sáp truyền thống mà người Inđônêsiã sử dụng là một hợp chất gồm sáp ong và dầu paraffin, với tỷ lệ 60% sáp và 40% dầu. Trong hợp chất sáp này, sáp ong thì mềm và dẻo, có tác dụng chặn đứng sự thâm nhập của màu và không rạn nứt; còn dầu paraffin thì giòn và dễ rạn nứt, nên màu có thể thấm vào các chỗ rạn nứt này. Do vậy, sự rạn nứt của các màu trên mặt vải là ấn tượng đặc trưng nhất của Batik Inđônêsiã.

Các màu nhuộm truyền thống của Batik không nhiều và đều được chế xuất từ các chất của thiên nhiên. Màu xưa nhất trong các màu truyền thống là màu xanh chàm, được làm từ lá cây chàm. Bằng cách cho thêm một số chất vào nước chàm hay bằng cách kéo dài, thu ngắn thời gian ngâm nhuộm vải, người ta sẽ tạo ra các màu chàm đậm, nhạt khác nhau. Màu truyền thống thứ hai của Batik là màu nâu hay còn được gọi là màu soga (có sắc độ từ vàng nhạt đến nâu sẫm) được chế từ vỏ cây soga). Màu truyền thống thứ ba là màu đỏ thắm (thường được gọi là menkuda), được chế từ lá cây morinda citrifolia. Từ ba màu cơ bản trên, những người thợ Inđônêsiã còn pha trộn các màu trên với nhau để tạo thêm các màu khác: màu nâu soga trộn với màu chàm sẽ được màu đen xanh đậm; màu xanh chàm trộn với màu đỏ sẽ được màu tía... Rồi thì, những người thợ có kinh nghiệm còn có thể tạo ra các sắc độ khác nhau của từng màu bằng cách điều chỉnh thời gian nhúng và ngâm tấm vải trong nước nhuộm. Ngoài ra, trong những trường hợp đặc biệt, như theo đặt hàng của các tầng lớp quyền lực và giàu có (vua chúa thời xưa, quan chức thời nay...), người ta còn dùng chỉ vàng hay bụi vàng để tô màu lên tấm vải Batik. Tấm Batik đặc biệt này được gọi là Prada (tấm vải vàng). Để gắn những chỉ hay bụi vàng lên vải, người ta dùng một loại keo

đặc biệt, được làm bằng cách pha trộn lòng trắng trứng gà hoặc dầu hạt lanh với một loại đất vàng. Nhờ chất keo này mà các chỉ vàng và bụi vàng được giữ rất chặt và rất bền vào vải đến mức không bị bong ra sau những lần giặt.

Tất cả những kỹ thuật và chất liệu tinh tế, tự nhiên và phong phú trên đều được người nghệ nhân sử dụng một cách tài tình và sáng tạo để “vẽ” hay “họa” lên trên tấm vải hàng ngàn những hoa văn trang trí rực rỡ, lộng lẫy và đầy tính biểu tượng. Thế nhưng, điều kỳ lạ là, hàng ngàn hoa văn khác nhau của Batik lại đều được tạo ra hay được biến thái ra từ một số những đồ án trang trí truyền thống cơ bản. Theo các nhà nghiên cứu, cổ nhất (có thể xuất hiện từ thế kỷ XIII) và cũng truyền thống nhất là đồ án Kawung cấu thành từ các đường tròn giao nhau. Bằng cách kết hợp các đường tròn to nhỏ khác nhau cắt vào nhau, hàng trăm hoa văn hình học sống động đã xuất hiện trên các tấm Batik khác nhau. Đồ án truyền thống gốc thứ hai có tên là Cerlok bao gồm tất cả các hoa văn hình học được tạo từ các hình vuông, hình tròn, hình thoi, hình ngôi sao... Những hình trên có thể kết hợp với nhau để tạo ra các bông hoa, các nụ hoa, các hạt, thậm chí các con vật cách điệu. Đồ án truyền thống thứ ba có tên là Parang, được hợp thành từ các hàng nghiêng của những hình giống như con dao dày chạy thành các dải chéo song song với nhau. Thông thường, Parang được đặt xen kẽ với các dải hẹp màu sẫm tương phản. Đã có một thời, đồ án Parang là đặc quyền sử dụng trong các triều đình vua chúa Java. Cho đến nay, Parang là đồ án hình học được ưa chuộng nhất trong Batik. Bằng bố cục thành băng và lặp đi, lặp lại, Parang có một vai trò quan trọng tạo nên tính trang trọng và thanh cao cho trang trí Batik. Từ ba đồ án truyền thống cơ bản trên, những người thợ Java đã sáng tạo ra trên các tấm vải Batik cả nghìn hoa văn khác nhau thuộc các thể loại khác nhau, như hoa văn hình học, hoa văn thực vật và chim thú, hoa văn hình người... Ngoài ra, trong quá trình giao lưu văn hóa, nhiều hoa văn có nguồn gốc từ Ấn Độ, Ba Tư và phương Tây, như hoa sen, rắn Naga, lá cọ, hoa tử đinh hương, chim công... cũng đã được các nghệ nhân Java vẽ hoặc in lên vải Batik.

Tuy rất phong phú và đa dạng về thể loại, chủ đề, nhưng, nhìn vào các hoa văn, người Inđônêsiã nhận ra ngay nguồn gốc sản xuất của từng tấm vải Batik. Đó chính là đặc trưng thống nhất trong đa



Festival Batik - Nguồn: <http://underconsent.blogspot.com/2012/03/kalender-acara-solo-2012.html>

dạng của nghệ thuật Batik. Mặc dầu cũng vẫn vẽ và in các hoa văn Java truyền thống, nhưng, chỉ trên các tấm vải Batik của trung tâm Solo, nơi nằm trong khu vực văn hóa Án-Java truyền thống, mới có những hoa văn thể hiện Sawat (vương miện) biểu tượng cho quyền uy, Meru (núi thần) biểu tượng cho núi và đất, Naga (rắn thần) biểu tượng cho nước, Burung biểu tượng cho gió và thế giới bên trên và Lidad Api biểu tượng cho lửa. Ngược hẳn với Solo, tại Yogyakarta, hoa văn của Batik nghiêng hẳn về các họa tiết hình học lớn. Trong khi đó, thì ở Pekalongan, nơi từng là trung tâm cư trú của người Hà Lan, thì trên Batik, xuất hiện nhiều hoa văn có nguồn gốc châu Âu, như nho, cúc... Còn tại các làng chài Indramayu ở bờ Bắc đảo Java, những người vợ của các ngư dân lại chuyên sản xuất ra những tấm vải Batik đơn giản, rẻ tiền mang những hoa văn lớn thể hiện các loại cây và hoa địa phương.

Tuy vẫn còn gắn chặt với truyền thống, hiện nay ở Indônêsi, các nhà sản xuất Batik thường có xu hướng nghe và làm theo các nhà thiết kế hơn là những người thợ truyền thống. Để phục vụ cho những nhu cầu và sở thích của xã hội hiện đại, người ta đã không chỉ đưa thêm vào Batik các hoa văn hoa lá, chim muông mới, mà còn sử dụng cả các màu hóa chất để nhuộm vải. Không chỉ dừng

lại ở thị trường nội địa và khu vực, các nhà thiết kế thời trang của Indônêsi, như Iwan Tirta, đã mạnh dạn đưa Batik lên sàn diễn thời trang thế giới. Rồi thì, giờ đây, ngoài dùng để may các trang phục nam nữ truyền thống và hiện đại, vải Batik còn được sử dụng để trang trí nội thất, làm khăn trải bàn, làm rèm cửa... Thậm chí, đã có những nghệ sĩ sáng tác tranh vẽ trên vải bằng kỹ thuật Batik (tranh Batik).

Như vậy là, dù không có nguồn gốc thật xa xưa và không phải là trung tâm của loại hình nghệ thuật này, nhưng những sản phẩm Batik Indônêsi là độc nhất vô nhị về sự tráng lệ và trang trọng, phong phú và đa dạng, tinh xảo và thanh tú của chất lượng màu sắc và hoa văn trang trí. Chính nhờ những phẩm chất và những giá trị văn hóa có một không hai nói trên, mà, trong suốt hơn tám trăm năm thăng trầm và đầy biến đổi của lịch sử đã qua, truyền thống Batik của Indônêsi vẫn tồn tại và phát triển chứ không bị mai một hay suy tàn. Hơn thế nữa, từ một vài làng truyền thống, theo thời gian, Batik đã phát triển thành những trung tâm sản xuất lớn. Rồi thì, truyền thống Batik đã trở thành biểu tượng văn hóa của cả quốc đảo lớn nhất hành tinh - Indônêsi và được ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại./.

V.N